

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **148/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 04/02/2026

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Tường Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khanh
Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bách Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 04/02/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 543/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2025 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/QĐST-DS ngày 29/01/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Ánh T** - sinh năm 1997; CCCD số: 017197001xxx;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T1** - sinh năm 1996; CCCD số: 001096003xxx;
Nơi cư trú: Số A ngõ C phố B, Tổ C cụm N, phường B, TP Hà Nội;
(Chị T có đơn xin vắng mặt; anh T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị Ánh T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L, Hà Nội (nay là phường B, Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128, ngày 26/6/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống cùng gia đình chồng tại địa chỉ số A B, tổ C phường N, quận L (nay là phường B, TP Hà Nội). Chúng tôi sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung. Điểm mâu thuẫn là ngày 30/4/2022, vợ chồng đã tranh cãi gay gắt và bắt đầu ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn nhưng tình hình vẫn không cải thiện. Mâu thuẫn của chúng tôi gia đình hai bên đều biết và đã hòa

giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án sớm giải quyết ly hôn cho tôi và anh T1 để tôi sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ-sinh ngày 31/5/2018. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Tôi và anh T1 tự thỏa thuận về việc đóng góp nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tôi làm kinh doanh online, thu nhập hàng tháng khoảng 15 đến 20 triệu đồng/tháng, tôi có chỗ ở ổn định cùng gia đình.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung và nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo về quan điểm của nguyên đơn, triệu tập hợp lệ nhưng anh T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không gửi văn bản ghi ý kiến cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa xét xử.

- **Về nội dung:** Chị Hà Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L (nay là phường B), TP Hà Nội ngày 26/6/2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị T có đơn ly hôn nhưng quá trình giải quyết anh T1 không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ vợ chồng thể hiện ý thức không tuân thủ pháp luật cũng như không có thiện chí hòa giải mâu thuẫn vợ chồng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ-sinh ngày 31/5/2018 hiện đang ở với chị T. Tòa án đã thông báo yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện, khả năng nuôi dưỡng con chung nhưng anh T1 không có quan điểm, ý kiến và không cung cấp chứng cứ. Do đó yêu cầu nuôi con chung của chị T là có căn cứ để chấp nhận.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Hà Thị Ánh T nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 cư trú tại Tổ C phường N (nay là phường B), TP Hà Nội. Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo loại việc và lãnh thổ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và hoà giải tại Tòa án số 85/2025/QH15.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Ánh T và anh Nguyễn Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận L, Hà Nội ngày 26/6/2018, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm, cách sống nên cả hai anh chị không tìm được tiếng nói chung. Theo nguyên đơn trình bày ngày 30/4/2022, vợ chồng đã tranh cãi gay gắt và bắt đầu ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện tìm cách hàn gắn nhưng tình hình vẫn không cải thiện. Mâu thuẫn của anh chị gia đình hai bên đều biết và đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh T1 đã được Tòa án triệu tập nhiều lần tham gia phiên hoà giải nhưng vắng mặt không có lý do thể hiện anh T1 không có thiện chí hoà giải, hàn gắn gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng anh chị kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như phù hợp với quan điểm của Viện kiểm sát.

[3].Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ - sinh ngày 31/5/2018. Cháu Đ hiện đang sống cùng mẹ nên giao cháu Đ cho chị T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị T đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Do các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ, các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị Ánh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147, điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Ánh T.

Chị Hà Thị Ánh T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T1

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Tiến Đ-sinh ngày 31/5/2018. Sau khi ly hôn, chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về đóng góp phí tổn nuôi con anh chị tự thỏa thuận.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản chung và công nợ, các đương sự có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Chị Hà Thị Ánh T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018248 ngày 01/12/2025 tại Thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội. Nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5- Hà Nội;
- Phòng THA DS khu vực 5;
- UBND phường B, TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thị Tường Nga

